TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 23/2019/HNGĐ - ST
Ngày 02 tháng 8 năm 2019
"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Tâm và ông Hoàng Văn Khảm.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2019/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1981; nơi cư trú: Phòng 216, chung cư B, tổ dân phố M, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt);

Bị đơn: Anh Văn Hồng L, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn Đ 3, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 3 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Chị và anh Văn Hồng L kết hôn với nhau tại Uỷ ban nhân dân xã Đ vào ngày 12/11/2010. Trước khi kết hôn cả hai người đều được tự do tìm hiểu nhau. Sau ngày cưới chị về gia đình anh L ở xã Đ làm dâu được khoảng 08 tháng thì vợ chồng chuyển đến thành phố V sinh sống cho đến ngày chị làm đơn xin ly hôn, thỉnh thoảng cuối tuần anh chị về thăm gia đình bố mẹ anh L. Quá trình chung sống, ban đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, sau khi anh chị chuyển lên thành phố V sinh sống đến khoảng tháng 11 năm 2018 thì chị và anh L phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do, trong cuộc sống hàng ngày

anh chị không hiểu nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến chị và anh L sống ly thân với nhau từ cuối năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị và anh L không còn ai quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Văn Hồng L.

Bị đơn là anh Văn Hồng L có đơn xin giải quyết vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai ngày 21/5/2019, anh L trình bày:

Về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống và mâu thuẫn vợ chồng xảy ra như lời trình bày trên của chị H là đúng. Anh L thừa nhận, sau khi vợ chồng xẩy ra mâu thuẫn, anh và chị H có sống ly thân với nhau từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh và chị H cũng đã tìm biện pháp để hàn gắn lại tình cảm nhưng không có kết quả. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Văn Hồng L đều xác định, vợ chồng có 01 con chung là cháu Văn Tuyết M, sinh ngày 27/8/2012, hiện tại cháu M đang ở với chị H. Ly hôn, ban đầu chị H xin được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị mức 1.500.000 đồng/1tháng. Ngày 09/4/2019, chị H có đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chị H tự nguyện giao cháu M cho anh L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyện vọng của anh L cũng xin được nuôi con và yêu cầu chị Bùi Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh mức 1.500.000 đồng/1tháng. Kể từ tháng 6 năm 2019 cho đến khi con thành niên.

Tại phiên tòa, chị H đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh L là 1.500.000 đồng/1tháng, kể từ tháng 6 năm 2019 cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị Bùi Thị H và anh Văn Hồng L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh thu thập thêm chứng cứ về điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng và con chung của chị H và anh L trong thời gian anh chị sinh sống ở xã Đ và xác minh về điều kiện, hoàn cảnh sinh sống của anh L xem anh L có đủ điều kiện để đảm bảo cuộc sống của cháu Văn Tuyết M khi Hội đồng xét xử giao con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng hay không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị H là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với bị đơn là anh Văn Hồng L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình.Theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

Anh Văn Hồng L là bị đơn trong vụ án, có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Văn Hồng L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh thu thập thêm chứng cứ về điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng và con chung của chị H và anh L trong thời gian anh chị sinh sống ở xã Đ và xác minh về điều kiện, hoàn cảnh sinh sống của anh L xem anh L có đủ điều kiện để đảm bảo cuộc sống của cháu Văn Tuyết M khi Hội đồng xét xử giao con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng hay không. Xét thấy, chị H và anh L sinh sống tại xã Đ thời gian ngắn, điều kiện kết hôn và con chung đã thể hiện rõ tại văn bản chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh của con và lời trình bày của các bên đương sự, còn mâu thuẫn vợ chồng xảy ra chủ yếu là thời gian anh L chị H sinh sống ở phường Khai Quang, thành phố V. Tòa án đã tiến hành xác minh tại phường Khai Quang các vấn đề liên quan đến nội dung đề nghị của Viện kiểm sát ở trên. Tại phiên tòa, chị H đã thừa nhận hoàn cảnh kinh tế và điều kiện sống của anh L đủ điều kiện để nuôi dưỡng con nên chị H mới giao con cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải tạm ngừng phiên tòa để xác minh thu thập thêm chứng cứ tại xã Đ theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, phiên tòa vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị H và anh L đều xác định, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên anh chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Căn cứ vào lời trình bày của chị H và anh L trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án tại Ủy ban nhân dân phường Khai Quang, thành phố V và căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 86 ngày 12/11/2010 của Ủy ban nhân dân xã Đ. Hội đồng xét xử thấy rằng, chị H và anh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Đ cho nên cần xác định cuộc hôn

nhân của chị H và anh L là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, chị H và anh L đều thừa nhận trong cuộc sống hàng ngày, chị H và anh L có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do chị H và anh L không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau. Khi vợ chồng xẩy ra mâu thuẫn cả chị H và anh L đã có thời gian sống ly thân, trong khi sống ly thân thì cả hai anh chị cũng đã tìm biện pháp để hàn gắn lại tình cảm nhưng không đạt được kết quả. Bản thân chị H và anh L đều xác định, tình cảm vợ chồng không còn nên cả hai đều chọn giải pháp ly hôn nhau. Điều đó chứng tỏ, tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh L đã dạn nứt đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, thấy yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho chị H được ly hôn với anh Văn Hồng L.

Về con chung: Chị H và anh L đều xác định, vợ chồng có 01 con chung là Văn Tuyết M, sinh ngày 27/8/2012, hiện tại cháu M đang sống cùng chị H. Ly hôn, ban đầu chị H có nguyện vọng xin được nuôi con nhưng ngày 09/4/2019, chị H xin thay đổi nguyện vọng nuôi con và tự nguyện cho anh L nuôi con, còn nguyện vọng của anh L đồng ý xin được nuôi con và yêu cầu chị H phải cấp phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh mức 1.500.000 đồng/1tháng, kể từ tháng 6 năm 2019 cho đến khi con thành niên. Tại phiên tòa, chị H đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh L là 1.500.000 đồng/1tháng, kể từ tháng 6/2019 cho đến khi con thành niên. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc nuôi dạy con là quyền lợi và cũng là trách nhiệm của cả cha và mẹ. Xét thấy, nguyện vọng xin nuôi con của anh L và việc chị H đồng ý cho anh L nuôi con là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử sẽ giao cho anh L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu M cho đến khi thành niên.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh L yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung mức 1.500.000 đồng/1tháng, kể từ tháng 6 năm 2019 cho đến khi con thành niên. Tại phiên tòa chị H đồng ý, xét thấy việc chị H đồng ý mức tiền cấp dưỡng nuôi con và thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp với khả năng thu nhập thực tế của chị H, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện trên của chị H để buộc chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh L số tiền 1.500.000 đồng/1tháng, kể từ tháng 6 năm 2019 cho đến khi cháu M thành niên. Không ai được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung của chị H.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị Bùi Thị H và anh Văn Hồng L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị H phải chịu toàn bộ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Văn Hồng L.

2/ Về con chung: Giao cháu Văn Tuyết M, sinh ngày 27/8/2012 cho anh Văn Hồng L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M thành niên. Chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh L số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng)/01tháng, kể từ tháng 6 năm 2019 cho đến khi cháu M thành niên. Không ai được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung của chị H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0000735 ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Chị H còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Đ;
- Lưu HS, VT;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Hạnh